

I. THIÊN CÓ KỆ
(*SAGĀTHĀVAGGA*)

1. TƯƠNG ỨNG CHƯ THIÊN (DEVATĀSAMĪYUTTA)

I. PHẨM CÂY LAU (NAḬAVAGGA)

I. KINH BỘC LƯU (Oghatarāṇasutta) (S. I. 1)

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả,¹ làm sao Ngài vượt khỏi bộc lưu?
- Này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.
- Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?
- Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt. Do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

[Vị thiên:]

Từ lâu, tôi mới thấy,
Bà-la-môn² tịch tịnh,
Không đứng, không bước tới,
Vượt chấp trước ở đời.

Vị thiên ấy nói như vậy và bậc Đạo sư chấp nhận. Vị thiên ấy biết được: “Thế Tôn đã chấp nhận ta.” Vị ấy đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

II. KINH GIẢI THOÁT (Nimokkhasutta) (S. I. 2)

2. Nhân duyên ở Sāvatti.

Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn

¹ Mārīsa. Ngài Buddhaghosa dùng từ này theo nghĩa *niddukkha*, tức là người không còn sầu muộn. Đây cũng là cách gọi nhau thân thiện giữa chư thiên.

² Brāhmaṇa: Một vị đã đoạn trừ hết phiền não.

vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, vị ấy đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả, Ngài có biết giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh không?

– Nay Hiền giả, Ta có biết giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh.

– Thưa Tôn giả, như thế nào Ngài biết giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh?

– Hỷ, tái sanh đoạn tận,
Tướng, thức được trừ diệt,
Các thọ diệt, tịch tịnh.
Như vậy này Hiền giả,
Ta biết sự giải thoát,
Thoát ly và viên ly,
Cho các loại chúng sanh.

III. KINH ĐƯA ĐẾN ĐOẠN TẬN (*Upanīyasutta*)³ (S. I. 2)

3. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.

[Thế Tôn:]

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.

IV. KINH THỜI GIAN TRÔI QUA (*Accentisutta*)⁴ (S. I. 3)

4. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

³ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1000. 0262b03); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.138. 0427b06).

⁴ Tham chiếu: *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.139. 0427b24).

Thời gian [lặng] trôi qua,
 Đêm [ngày] luôn di động,
 Tuổi tác buổi thanh xuân,
 Tiếp tục bỏ chúng ta.
 Những ai chịu quán sát,
 Sợ hãi tử vong này,
 Hãy làm các công đức,
 Đưa đến [chơn] an lạc.

[Thế Tôn:]

Thời gian [lặng] trôi qua,
 Đêm [ngày] luôn di động,
 Tuổi tác buổi thanh xuân,
 Tiếp tục bỏ chúng ta.
 Những ai chịu quán sát,
 Sợ hãi tử vong này,
 Hãy bỏ mọi thế lợi,
 Tâm hướng cầu tịch tịnh.

V. KINH BAO NHIÊU CÁI CẮT ĐOẠN (*Katichindasutta*) (S. I. 3)

5. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Phải cắt đoạn bao nhiêu,
 Phải từ bỏ bao nhiêu,
 Tu tập thêm bao nhiêu,
 Vượt qua bao trói buộc,
 Để được có danh xưng,
 Tỷ-kheo vượt bậc lưu?

[Thế Tôn:]

Phải cắt đoạn đến năm,
 Phải từ bỏ đến năm,
 Tu tập thêm năm pháp,⁵
 Vượt qua năm trói buộc,⁶
 Để được có danh xưng,
 Tỷ-kheo vượt bậc lưu.

VI. KINH TỈNH GIÁC (*Jāgarasutta*) (S. I. 4)

6. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

⁵ Năm pháp trong trường hợp này chỉ cho 5 lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực).

⁶ Năm trói buộc là nói đến 5 hạ phần kiết sử (thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân) hoặc 5 thượng phần kiết sử (sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh).

Có bao pháp mê ngủ,⁷
 Khi pháp khác tỉnh giác?
 Có bao pháp tỉnh giác,
 Khi pháp khác mê ngủ?
 Có bao nhiều việc làm,
 Đưa ta đến trần cấu?
 Có bao nhiều việc làm,
 Khiến ta được thanh tịnh?

[Thế Tôn:]

Có năm pháp mê ngủ,
 Khi pháp khác tỉnh giác.
 Có năm pháp tỉnh giác,
 Khi pháp khác mê ngủ.
 Chính có năm việc làm,
 Đưa ta đến trần cấu.
 Chính có năm việc làm,
 Khiến ta được thanh tịnh.

VII. KINH KHÔNG LIỄU TRI (*Appaṭivīditasutta*) (S. I. 4)

7. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Những ai với các pháp,
 Không liễu tri thấu suốt,
 Bị hướng dẫn lầm lạc,
 Vòng quanh các dị giáo.
 Họ mê ngủ triền miên,
 Họ không có tỉnh giác,
 Nay thật đã đến thời,
 Họ cần phải thức tỉnh.

[Thế Tôn:]

Những ai với các pháp,
 Khéo liễu tri sáng suốt,
 Không bị dẫn lầm lạc,
 Vòng quanh các dị giáo.
 Họ chứng Chánh đẳng giác,
 Họ liễu tri viên mãn,
 Trên đường không thăng bằng,
 Họ bước thật thẳng bằng.

⁷ Đoạn câu hỏi này nói đến 5 triền cái và 5 lực, chúng khiến cho hành giả mê ngủ hay tỉnh thức, ô nhiễm hay thanh tịnh.

VIII. KINH MÊ LOẠN (*Susammūṭṭhasutta*)⁸ (S. I. 4)

8. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Những ai đổi các pháp,
Quá đắm say mê loạn,
Bị hướng dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ mê ngủ triền miên,
Họ không có tỉnh giác,
Nay thật đã đến thời,
Họ cần phải thức tỉnh.

[Thế Tôn:]

Những ai đổi các pháp,
Không đắm say mê loạn,
Không bị dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ chứng Chánh đẳng giác.
Họ liễu tri viên mãn,
Trên đường không thăng bằng,
Họ bước thật thẳng bằng.

IX. KINH MONG MUỐN KIÊU MẠN (*Mānakāmasutta*)⁹ (S. I. 5)

9. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Đổi vị ưa kiêu mạn,¹⁰
Ở đây không điều phục,
Không trí tuệ sáng suốt,
Không định tĩnh nhiếp tâm,
Độc thân trú rừng núi,
Sống với tâm phóng dật,
Vị ấy không vượt khỏi,
Sự chi phối ma lực.

[Thế Tôn:]

Từ bỏ mọi kiêu mạn,
Tâm tư khéo nhiếp định,
Với tâm khéo tư sát,
Giải thoát mọi phiền trước,

⁸ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.570. 0154b05); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.165. 0435c05).

⁹ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.996. 0261a13); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.133. 0426a24).

¹⁰ *Māna* thường được dịch là sự kiêu mạn, còn ám chỉ cho tâm ảo tưởng hay tự phụ. Tâm con người thường rơi vào lỗi kiêu mạn này.

Độc thân trú rừng núi,
 Với tâm không phóng dật,
 Vị ấy vượt thoát khỏi,
 Sự chi phối ma lặc.

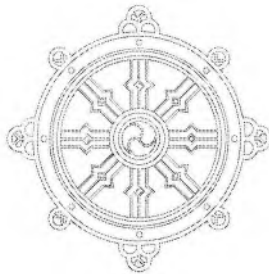
X. KINH RỪNG NÚI (*Araññasutta*)¹¹ (S. I. 5)

10. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Thường sống trong rừng núi,
 Bạc Thánh sống Phạm hạnh,
 Mỗi ngày ăn một bữa,
 Sao sắc họ thù diệu?

[Thế Tôn:]

Không than việc đã qua,
 Không mong việc sắp tới,
 Sống ngay với hiện tại,
 Do vậy sắc thù diệu.¹²
 Do mong việc sắp tới,
 Do than việc đã qua,
 Nên kẻ ngu héo mòn,
 Như lau xanh rời cành.



¹¹ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.995. 0260c24); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.132. 0426a06).

¹² Sau khi ăn xong, các vị ấy tu thiền, chứng được nhất tâm, nhiếp phục mọi động niệm, tư tưởng trở nên rõ ràng và định tĩnh. Nhờ tâm các vị ấy an tịnh nhẹ nhàng, máu lưu thông, thân thể được thanh lọc, và nhờ vậy, da trở nên sáng chói, thù diệu.

II. PHẨM VƯỜN HOAN HỖ (*NANDANAVAGGA*)

I. KINH VƯỜN HOAN HỖ (*Nandanasutta*)¹³ (S. I. 5)

11. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị thiên thuộc cõi trời Ba Mươi Ba, với chúng thiên nữ vây quanh, du hí ở vườn Hoan Hỷ,¹⁴ thọ hưởng năm thiên dục công đức. Bấy giờ, vị thiên ấy nói lên bài kệ này:

Chúng không biết đến lạc,
Nếu không thấy Hoan Hỷ,
Chỗ trú cả trời, người,
Cõi Ba Mươi Ba lừng danh.

Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, một vị thiên khác đáp vị thiên ấy với bài kệ:

Kẻ ngu, sao không biết,
Vị Ứng Cúng đã nói:
“Mọi hành là vô thường,
Tự tánh phải sanh diệt,
Sau khi sanh chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.”

II. KINH VUI THÍCH (*Nandatisutta*)¹⁵ (S. I. 6)

12. Nhân duyên ở Sāvattthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Cha đối con vui thích,
Chủ với bò vui thích,

¹³ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.576. 0153c05); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.161. 0435a06); *Tăng. 增* (T.02. 0125.31.9. 0672b03).

¹⁴ *Nandanā*: Vườn Hoan Hỷ ở Tam Thập Tam thiên, nơi Thiên chủ Sakka ngự trị. Chư thiên sống lâu ở đây, khi mạng chung tan biến như không khí, hay như ngọn đèn bị thổi tắt.

¹⁵ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1004. 0263a14); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.142. 0428a16).

Người sanh y¹⁶ vui thích,
Không sanh y không vui.

[Thế Tôn:]

Cha đôi con sâu muộn,
Chủ với bò sâu muộn,
Người sanh y sâu muộn,
Không sanh y không sâu.

III. KINH KHÔNG AI BẰNG CON (*Natthiputtasamasutta*)¹⁷ (S. I. 6)

13. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Thương ai bằng thương con,
Của nào bằng bò nhà,
Sáng nào bằng mặt trời,
Nước nào hơn biển cả.

[Thế Tôn:]

Thương ai bằng thương mình,
Của nào bằng lúa gạo,
Sáng nào bằng trí tuệ,
Nước nào hơn mưa rào.

IV. KINH SÁT-ĐẾ-LY (*Khattiyasutta*)¹⁸ (S. I. 6)

14. [Vị thiên:]

Giữa các loài hai chân,
Sát-ly là tối thắng.
Giữa các loài bốn chân,
Bò đực là tối thắng.
Trong các hàng thê thiếp,
Quý nữ là tối thắng.
Trong các hàng con trai,
Trưởng nam là tối thắng.

[Thế Tôn:]

Giữa các loài hai chân,
Chánh giác là tối thắng.
Giữa các loài bốn chân,
Thuần chủng¹⁹ là tối thắng.

¹⁶ *Upadhi* nghĩa là yếu tố căn bản dẫn dắt đi tái sanh.

¹⁷ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1006. 0263b13); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.232. 0458c03).

¹⁸ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1007. 0263b27); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.233. 0458c16).

¹⁹ *Ājānīyo*. Nghĩa đen là sự hiểu biết, người thông thái. Ngài Buddhaghosa giải thích là người biết rõ nguồn gốc các pháp. Ở đây, thuật ngữ này chỉ cho con vật thông minh, thuần chủng như con ngựa của Vua Kutakanna.

Trong các hàng thê thiếp,
 Nhu thuận là tối thắng.
 Trong các hàng con trai,
 Tôn kính là tối thắng.

V. KINH TIẾNG ĐỘNG RỪNG SÂU (*Sanamānasutta*)²⁰ (S. I. 7)

15. [Vị thiên:]

Nay là thời giữa trưa,
 Loài chim nghỉ yên lặng,
 Vang động²¹ tiếng rừng sâu,
 Ta run, ta khiếp sợ.

[Thế Tôn:]

Nay là thời giữa trưa,
 Loài chim nghỉ yên lặng,
 Vang động tiếng rừng sâu,
 Ta vui, Ta thích thú.

VI. KINH NGỦ GỤC, BIẾNG NHÁC (*Niddātandīsutta*)²² (S. I. 7)

16. [Vị thiên:]

Ngủ gục, nhác, ngáp dài,
 Không vui, ăn quá độ,
 Ở đây, đời chúng sanh,
 Thánh đạo không hiển lộ.

[Thế Tôn:]

Ngủ gục, nhác, ngáp dài,
 Không vui, ăn quá độ,
 Với tinh tấn, đoạn chúng,
 Thánh đạo được thanh tịnh.

VII. KINH KHÓ LÀM (*Dukkarasutta*)²³ (S. I. 7)

17. [Vị thiên:]

Khó làm, khó kham nhẫn,
 Thiếu trí hành Sa-môn,
 Chỗ kẻ ngu thối đọa,
 Chỗ ấy đây chương ngại.

Bao ngày hành Sa-môn,
 Nếu tâm không chế ngự,

²⁰ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1335. 0368b22); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.355. 0490b03).

²¹ *Saṇate*: Tiếng ồn ào của rừng, như gió thổi qua lá cây hay các cây cọ xát vào nhau.

²² Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.598. 0160a26); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.175. 0437c18).

²³ Bản tiếng Anh của PTS: *Hard to Fulfil (or the Tortoise)*, nghĩa là *Khó làm* (hay *Con rùa*). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.600. 0160b27); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.174. 0437b29).

Mỗi bước phải sa đọa,
Nô lệ cho suy tư.

[Thế Tôn:]

Như rùa rút chân căng,
Trong mai rùa của mình.
Vị Tỷ-kheo cũng vậy,
Thâu nhiếp mọi suy tư,
Không tham dính²⁴ vật gì,
Không làm hại người nào,
Hoàn toàn thật tịch tịnh,
Không chỉ trích một ai.

VIII. KINH TÀM (*Hirīsutta*) (S. I. 7)

18. [Vị thiên:]

Người được tâm chế ngự,
Tìm được ai ở đời?
Ai biết ngăn chỉ trích,
Như ngựa hiền bóng roi?

[Thế Tôn:]

Người được tâm chế ngự,
Sống thường thường chánh niệm,
Vị ấy đạt kết quả,
Khổ đau được đoạn tận,
Bước những bước thẳng bằng,
Trên đường không thẳng bằng.

IX. KINH AM TRANH (*Kuṭikāsutta*) (S. I. 8)

19. [Vị thiên:]

Ngài không có am tranh,
Ngài không có tổ ấm,
Ngài không có dây giăng,
Ngài thoát khỏi hệ phược.

[Thế Tôn:]

Ta không có am tranh,
Ta không có tổ ấm,
Ta không có dây giăng,
Ta thoát khỏi hệ phược.

[Vị thiên:]

Con nói am là gì?
Nói tổ ấm là gì?

²⁴ Không dựa vào dục vọng, tà kiến.

Nói dây giăng là gì?
Nói hệ phược là gì?

[Thế Tôn:]

Ông nói am là mẹ,
Nói tổ ấm là vợ,
Nói dây giăng là con,
Nói hệ phược là ái.

[Vị thiên:]

Lành thay, Ngài không am!
Lành thay, không tổ ấm!
Lành thay, không dây giăng!
Lành thay, Ngài thoát phược!

X. KINH SAMIDDHI (*Samiddhisutta*)²⁵ (S. I. 8)

20. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Tapodārāma (tinh xá suối nước nóng).

Tôn giả Samiddhi, khi đêm đã gần tàn, thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa. Sau khi tắm rửa, ra khỏi suối nước nóng, Tôn giả đứng, đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô.

Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng suối nước nóng, đi đến Tôn giả Samiddhi; sau khi đến, đứng giữa hư không, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Samiddhi:

Không hưởng, ông khát thực,
Nay khát thực, không hưởng,
Hãy hưởng rồi khát thực,
Chớ uổng phí thời gian!

[Samiddhi:]

Thời ông, ta không biết,
Thời ta ắt không hiện.
Không hưởng, ta khát thực,
Không uổng thời gian ta.

Rồi vị thiên ấy đứng xuống đất và thưa với Tôn giả Samiddhi:

– Nay Tỷ-kheo, ông còn trẻ tuổi, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong độ tuổi thanh xuân mà đã xuất gia. Trong thời trẻ tuổi, ông không thọ hưởng các dục lạc. Nay Tỷ-kheo, hãy thọ hưởng các dục lạc của người đời, chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối!

– Nay Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và nay Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo

²⁵ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1078. 0281c03); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.17. 0379a23).

hiện tại. Nay Hiền giả, Thế Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não (*bahupāyāsā*), nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối,²⁶ đến đề mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.

– Và nay Tỷ-kheo, như thế nào mà Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não, nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại, là pháp không bị thời gian chi phối, đến đề mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu?

– Nay Hiền giả, tôi là người mới xuất gia,²⁷ mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho ông Pháp và Luật này. Nhưng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay ở Vương Xá, tại tinh xá Tapodārāma; hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

– Nay Tỷ-kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thế Tôn ấy, một bậc được các chư thiên khác có đại uy lực đoanh vây. Nay Tỷ-kheo, nên Ngài đi đến bậc Thế Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này, chúng tôi có thể đến đề nghe pháp.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp vị thiên ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, sau khi đêm đã gần tàn, con thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa. Sau khi tắm rửa, ra khỏi suối nước nóng, con đứng, đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô. Bạch Thế Tôn, rồi một vị thiên, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng suối nước nóng đi đến con; sau khi đến, đứng giữa hư không, vị ấy nói lên bài kệ này:

Không hưởng, ông khát thực,
Nay khát thực, không hưởng,
Hãy hưởng rồi khát thực,
Chớ uổng phí thời gian!

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời với vị thiên ấy bằng bài kệ:

Thời ông, ta không biết,
Thời ta ắt không hiện,
Không hưởng, ta khát thực,
Không uổng phí thời gian ta.

Bạch Thế Tôn, rồi vị thiên ấy đứng xuống đất và thưa với con: “Nay Tỷ-kheo, ông còn trẻ tuổi, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong độ tuổi thanh xuân mà đã xuất gia. Trong thời trẻ tuổi, ông không thọ hưởng các dục lạc. Nay Tỷ-kheo, hãy

²⁶ *Akālīka*: Vượt thời gian. Ngài Buddhaghosa lý giải rằng Thánh đạo đưa đến kết quả lập tức, không phải chờ thời gian.

²⁷ Tân Tỷ-kheo: Từ 1 đến 5 hạ; Trung tọa Tỷ-kheo: Từ 5 đến 9 hạ; Thượng tọa Tỷ-kheo: Từ 10 đến 20 hạ.

thọ hưởng các dục lạc của người đời, chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối!”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với vị thiên ấy: “Này Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo hiện tại. Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não, nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, vị thiên ấy nói với con: “Và này Tỷ-kheo, như thế nào mà Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não, nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại là pháp này, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu?”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với vị thiên ấy: “Này Hiền giả, tôi là người mới xuất gia, mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho ông Pháp và Luật này. Nhưng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay ở Rājagaha, tại tinh xá Tapodārāma; hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì.”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, vị thiên ấy nói với con: “Này Tỷ-kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thế Tôn ấy, một bậc được các chư thiên khác có đại uy lực đoan vầy. Này Tỷ-kheo, nếu Ngài đi đến bậc Thế Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này, chúng tôi có thể đến để nghe pháp.”

Bạch Thế Tôn, nếu vị thiên ấy nói sự thật, thời vị ấy ở đây, không xa bao nhiêu.

Khi được nghe nói vậy, vị thiên ấy nói với Tôn giả Samiddhi như sau:

– Hãy hỏi đi, Tỷ-kheo! Hãy hỏi đi, Tỷ-kheo! Tôi đã đến rồi.

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ với vị thiên ấy:

Chúng sanh được hiểu biết,
 Những điều được nói lên,
 Và chấp trước thái độ,
 Trên những điều được nói.
 Nếu họ không liễu tri,
 Những điều được nói lên,
 Họ đi đến trối buộc,
 Do thần chết chi phối.
 Nếu họ liễu tri được,
 Những điều được nói lên,
 Họ không có tưởng tri,
 Những điều được nói ra.
 Đối với vị như vậy,
 Lỗi lầm nhất định không.

Nếu như ông có biết,
Hãy nói lên, dạ-xoa.

– Bạch Thế Tôn, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt!

[Thế Tôn:]

Bằng, thắng hay thua Ta,
Nghĩ vậy đấu tranh khởi.
Cả ba không dao động,
Bằng, thắng không khởi lên.
Nếu như ông có biết,
Hãy nói lên, dạ-xoa.

– Bạch Thế Tôn, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt!

[Thế Tôn:]

Hãy từ bỏ tính toán,²⁸
Không chạy theo hư tướng,
Từ bỏ mọi tham ái,
Đổi danh sắc ở đời,
Vị ấy đoạn triền phược,
Không lo âu, không ái.
Chư thiên và loài người,
Đời này hay đời sau,
Ở cảnh giới chư thiên,
Hay tại mọi trú xứ,
Tìm cầu nhưng không gặp,
Vết tích của vị ấy.
Nếu ông biết người ấy,
Hãy nói lên, dạ-xoa!

– Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa rộng rãi như sau:

Khắp thế giới chớ làm,
Điều ác thân, miệng, ý,
Từ bỏ mọi ái dục,
Chánh niệm, tâm tỉnh giác,
Không khổ hạnh ép xác,
Vô bổ, không lợi ích.

²⁸ Theo *Chú giải*, *Sankhā* chỉ cho vị A-la-hán đã đoạn tận các tâm bất thiện tham, sân, si.

III. PHẨM KIỂM (*SATTIVAGGA*)

I. KINH KIỂM (*Sattisutta*) (S. I. 13)

21. Nhân duyên ở Sāvatti. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

[Vị thiên:]

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ ái dục.

[Thế Tôn:]

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ thân kiến.

II. KINH XÚC CHẠM (*Phusatisutta*) (S. I. 13)

22. [Vị thiên:]

Không xúc,²⁹ không có chạm,
Có xúc, [thời] có chạm,
Nên hại người không hại,
Tức có xúc, có chạm.

[Thế Tôn:]

Ai hại người không hại,
Người tịnh, không ô nhiễm,
Kẻ ngu hái quả ác,
Như ngược gió tung bụi.

III. KINH TRIỀN PHƯỢC (*Jaṭāsutta*) (S. I. 13)

23. [Vị thiên:]

Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phược,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát khỏi triền này?

²⁹ Trong kinh này, xúc có hai nghĩa: Chủ động và thụ động, xúc chạm và bị xúc chạm, hành nghiệp và quả báo của nghiệp. Xem *Pss. Breth.* 783.

[Thế Tôn:]

Người trú giới có trí,
 Tu tập tâm và tuệ,
 Nhiệt tâm và thận trọng,
 Tỷ-kheo ấy thoát triền.
 Với ai đã từ bỏ,
 Tham, sân và vô minh,
 Bạc Lậu Tận, Ứng Cúng,
 Vị ấy thoát triền phược.
 Chỗ nào danh và sắc,
 Được đoạn tận, vô dư,
 Đoạn chương ngại, sắc tướng,
 Chỗ ấy triền phược đoạn.

IV. KINH CHẾ NGỰ Ý (*Manonivāraṇasutta*) (S. I. 14)

24. [Vị thiên:]

Chỗ nào ý chế ngự,
 Chỗ ấy đau khổ tận.
 Ý chế ngự hoàn toàn,
 Thoát đau khổ hoàn toàn.

[Thế Tôn:]

Không nên chế ngự ý,
 Hoàn toàn về mọi mặt.
 Chớ có chế ngự ý,
 Nếu tự chủ đạt được.
 Chỗ nào ác pháp khởi,
 Chỗ ấy chế ngự ý.

V. KINH VỊ A-LA-HÁN (*Arahantasutta*)³⁰ (S. I. 14)

25. [Vị thiên:]

Vị Tỷ-kheo La-hán,
 Đã làm điều phải làm,
 Các lậu được đoạn tận,
 Thân này, thân tối hậu.
 Vị ấy có thể nói:
 “Chính tôi vừa nói lên.”
 Vị ấy có thể nói:
 “Họ nói là của tôi.”

[Thế Tôn:]

Vị Tỷ-kheo La-hán,
 Đã làm điều phải làm,

³⁰ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.581. 0154b19); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.166. 0435c18).

Các lậu được đoạn tận,
 Thân này, thân tối hậu.
 Vị ấy có thể nói:
 “Chính tôi vừa nói lên.”
 Vị ấy có thể nói:
 “Họ nói là của tôi.”
 Vị ấy khéo biết rõ,
 Danh xưng ở thế gian,
 Vì chỉ là danh xưng,
 Vị ấy cũng danh xưng.

[Vị thiên:]

Vị Tỷ-kheo La-hán,
 Đã làm điều phải làm,
 Các lậu được đoạn tận,
 Thân này, thân tối hậu.
 Có phải Tỷ-kheo ấy,
 Đi gần đến kiêu mạn,
 Khi vị ấy có nói:
 “Chính tôi vừa nói lên.”
 Khi vị ấy có nói:
 “Họ nói là của tôi?”

[Thế Tôn:]

Ai đoạn tận kiêu mạn,
 Không còn những buộc ràng,
 Mọi hệ phược kiêu mạn,
 Được hoàn toàn đoạn tận.
 Vị có trí sáng suốt,
 Vượt khỏi mọi hư tưởng,
 Vị ấy có thể nói:
 “Chính tôi vừa nói lên.”
 Vị ấy có thể nói:
 “Họ nói là của tôi.”
 Vị ấy khéo biết rõ,
 Danh xưng ở thế gian,
 Vì chỉ là danh xưng,
 Vị ấy cũng danh xưng.

VI. KINH ÁNH SÁNG (*Pajjotasutta*)³¹ (S. I. 15)

26. [Vị thiên:]

Vật gì chiếu sáng đời,
 Do chúng, đời chói sáng?

³¹ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1310. 0360b17); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.309. 0478c16).

Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn biết lời giải đáp.

[Thế Tôn:]

Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm, đây không có.
Ngày, mặt trời sáng chói,
Đêm, mặt trăng tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tối thắng,³²
Sáng này, sáng vô thượng.

VII. KINH NƯỚC CHẢY (*Sarasutta*) (S. I. 15)

27. [Vị thiên:]

Chỗ nào nước chảy ngược?
Chỗ nào nước xoáy dừng?
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt, không dư?

[Thế Tôn:]

Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không vững trú,
Do vậy nước chảy ngược,
Chỗ ấy nước xoáy dừng,
Chỗ ấy danh và sắc,
Được đoạn diệt, không dư.³³

VIII. KINH GIÀU LỚN (*Mahaddhanasutta*) (S. I. 15)

28. [Vị thiên:]

Sát-đế-ly giàu lớn,
Tài sản, quốc độ lớn,
Luôn luôn ganh tỵ nhau,
Hưởng dục không biết ngán.
Giữa người sống khao khát,
Trôi theo dòng tái sanh,
Ai bỏ tật và ái,
Không khao khát giữa đời?

[Thế Tôn:]

Vị xuất gia bỏ nhà,
Bỏ con yêu, gia súc,

³² Trong kinh này chỉ cho ánh sáng của trí tuệ, của sự hăng hái, tinh tấn, của sự tín thành và của lời đức Phật dạy.

³³ Trong trường hợp này chỉ cho Vô dư y Niết-bàn.

Bỏ tham và bỏ sân,
Và từ bỏ vô minh,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Không khao khát giữa đời.

IX. KINH BỐN BÁNH XE (*Catucakkasutta*) (S. I. 16)

29. [Vị thiên:]

Bốn bánh xe, chín cửa,³⁴
Đầy uest, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nhơ,
Ôi, thưa bậc Đại Hùng,
Sanh thú người như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?

[Thế Tôn:]

Cắt dây da buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú³⁵ sẽ như vậy.

X. KINH NHƯ CHÂN SƠN DƯƠNG (*Eṇijaṅghasutta*) (S. I. 16)

30. [Vị thiên:]

Chân như chân sơn dương,³⁶
Vừa thon lại vừa mạnh,
Ăn uống có chừng mực,
Không tham lam, say đắm,
Như sư tử, voi rừng,
Độc hành, không dục vọng.
Sau khi đến, con hỏi,
Làm sao thoát khổ đau?

[Thế Tôn:]

Có năm dục ở đời,
Ý căn là thứ sáu,
Ở đây, bỏ ước muốn,
Như vậy thoát khổ đau.

³⁴ Thân với bốn uy nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) và chín lỗ (hai mắt, hai tai, hai mũi, một miệng, chỗ đại tiện, tiểu tiện).

³⁵ *Yātrā*. Xem S. I. 33; KS. I. 44, *Accharāsutta*.

³⁶ Đây là một tướng của bậc Đại nhân.

IV. PHẨM QUẦN TIÊN (*SATULLAPAKĀYIKAVAGGA*)

I. KINH VỚI NGƯỜI THIỆN (*Sabbhisutta*) (S. I. 16)

31. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvattthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa,³⁷ sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Được tốt hơn, không xấu.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,³⁸
Được tuệ, không gì khác.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,³⁹
Không sâu giữa sâu muện.

³⁷ SA. I. 43f: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng trong một kiếp về trước, những người này là thủy thủ của một chiếc tàu buôn. Khi ấy đang trên biển, họ gặp bão lớn, tàu sắp chìm, tất cả họ đều hốt hoảng, kinh sợ. Trong số họ, có một người ngồi yên lặng. Mọi người hỏi vị ấy: “Vì sao ông có thể bình tĩnh như vậy?” Vị ấy đã trả lời: “Chính vì nghĩ đến những việc thiện đã làm được trước đây, chắc chắn sẽ hạnh phúc khi tái sinh, nên không còn phải lo lắng gì”. Những người trên tàu khấn nài vị ấy giúp đỡ. Vị ấy chia họ thành bảy nhóm, mỗi nhóm 100 người và bảo họ xuống lớn trong mưa bão, nguyện thọ trì Năm giới. Họ tin tưởng giới luật, sự hành trì giới luật sẽ mang lại hạnh phúc cho họ và xác chứng những việc thiện họ đã làm. Sau đó họ thác sanh vào thiên giới của Thiên chủ Đề-thích (Sakka), mỗi người sống trong một tòa lâu đài bằng vàng (S. I. 9; KS. I. 15). Ngay khi được sanh vào cõi trời, họ biết rõ nhân quả hạnh phúc của mình nên đồng đến yết kiến đức Phật và tán thán vị Thầy vĩ đại của mình. Họ được gọi là Satullapā, theo ý nghĩa là từng nhóm 100 người xuống to giới luật.

³⁸ Xem J. V. 483.

³⁹ Xem S. I. 56 (kinh 102 ở dưới); J. V. 483.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
 Hãy gần gũi người thiện,
 Biết Diệu pháp người hiền,
 Tỏa sáng giữa mọi người.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
 Hãy gần gũi người thiện,
 Biết Diệu pháp người hiền,
 Chúng sanh sanh thiện thú.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
 Hãy gần gũi người thiện,
 Biết Diệu pháp người hiền,
 Chúng sanh thường hưởng lạc.

Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, trong tất cả các vị ấy, ai đã nói lên một cách tốt đẹp?
- Về vấn đề này, tất cả các ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời Ta nói:

Hãy thân với người lành,
 Hãy gần gũi người thiện,
 Biết Diệu pháp người hiền,
 Giải thoát mọi khổ đau.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, quần tiên ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

II. KINH XAN THAM (*Maccharisutta*)⁴⁰ (S. I. 18)

32. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Vì xan tham, phóng dật,
 Như vậy không bố thí.
 Ai ước mong công đức,
 Có trí nên bố thí.

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Điều kẻ xan tham sợ,
 Nên không dám bố thí.
 Sợ ấy đến với họ,

⁴⁰ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1288. 0354c20); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.286. 0473b23).

Chính vì không bố thí.
 Điều kẻ xan tham sợ,
 Chính là đói và khát,
 Kẻ ngu phải cảm thọ,
 Đời này và đời sau.

Vậy hãy chế xan tham,
 Bố thí nhiếp cầu uế,
 Chúng sanh vững an trú,
 Công đức trong đời sau.

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
 Không chết giữa người chết,
 Như thiện hữu trên đường,
 San sẻ lương thực hiếm,
 Thường pháp là như vậy.

Kẻ ít vui san sẻ,
 Kẻ nhiều không muốn cho,
 Bố thí từ kẻ khó,
 Trị giá gấp ngàn lần.

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
 Khó thay sự đem cho,
 Khó thay làm hạnh ấy.
 Kẻ ác không làm theo,
 Khó theo⁴¹ pháp bậc lành!

Do vậy kẻ hiền, ác,
 Sanh thú phải sai khác,
 Kẻ ác sanh địa ngục,
 Người lành lên cõi trời.

Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, trong tất cả các vị ấy, vị nào đã nói một cách tốt đẹp?
 – Về vấn đề này, tất cả các ông đã nói một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe
 lời Ta nói:

Sở hành vẫn chơn chánh,
 Dầu phải sống vụn vặt,
 Dầu phải nuôi vợ con,
 Với đồ ăn lượm lặt,⁴²
 Nhưng vẫn bố thí được,
 Từ vật chứa ít ỏi,

⁴¹ *Durannayo* = *Duranvayo*: Khó làm theo.

⁴² *Chú giải*: Những bông lúa rơi vãi trên sân đập lúa.

Từ ngàn người bố thí,
 Từ trăm ngàn vật cho,
 Trị giá không ngang bằng,
 Kẻ bố thí như vậy.⁴³

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Vì sao họ bố thí,
 Rộng lớn nhiều như vậy,
 Trị giá không ngang bằng,
 Kẻ nghèo, chơn bố thí?
 Sao ngàn người bố thí,
 Từ trăm ngàn vật cho,
 Trị giá không ngang bằng,
 Kẻ bố thí như vậy?

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ này với vị thiên ấy:

Có những người bố thí,
 Một cách bất bình thường,
 Sau khi chém và giết,
 Mới làm vơi nỗi sầu.
 Sự bố thí như vậy,
 Đầy nước mắt đánh đập,
 Trị giá không ngang bằng,
 Kẻ nghèo, chơn bố thí.
 Từ ngàn người bố thí,
 Từ trăm ngàn vật cho,
 Trị giá không ngang bằng,
 Kẻ bố thí như vậy.

III. KINH LÀNH THAY (*Sādhussutta*) (S. I. 20)

33. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi rất nhiều quân tiên Satullapa, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
 Kính thưa bậc Tôn giả!
 Vì xan tham, phóng dật,
 Như vậy không bố thí.
 Ai ước mong công đức,
 Có trí nên bố thí.

⁴³ *Kalāṃ*. Theo nghĩa đen là một phần, một mẫu nhỏ.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Kẻ ít, vui san sẻ,
Kẻ nhiều, không muốn cho,
Bố thí từ kẻ khó,
Trị giá gấp ngàn lần.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!

Bố thí và đánh nhau,
Được nói là bằng nhau.
Một số ít kẻ lành,
Thắng xa số đông người.
Ví dầu cho có ít,
Nhưng cho với lòng tin,
Do vậy được an lạc,
Vì lợi ích cho người.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!

Ai là người bố thí,
Với tài sản hợp pháp,
Do nỗ lực tinh tấn,
Nhờ vậy thấu hoạch được.
Vị ấy vượt dòng sông,⁴⁴
Thần chết Dạ-ma giới,

⁴⁴ *Vetaraṇī*. Chỉ cho sông địa ngục. Xem J. V. 266.

Sau khi chết được sanh,
Chỗ trú xứ chư thiên.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!

Bố thí có suy tư,
Bậc Thiện Thệ tán thán.
Bố thí cho những vị,
Đáng kính trọng ở đời,
Bố thí những vị ấy,
Được hưởng quả phước lớn,
Như hạt giống tốt đẹp,
Gieo vào ruộng tốt lành.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!
Lành thay sự tự chế,
Đối với các chúng sanh!

Giữa chúng sanh hữu tình,
Ai sống không làm hại,
Sợ người khác chỉ trích,
Không làm ác, bất thiện,
Họ khen kẻ nhút nhát,
Nên chẳng phải người hùng,

Chính sợ bị chỉ trích,
Người lành không làm ác.

Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, lời nói ai được tốt đẹp?

– Về vấn đề này, tất cả các ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời của Ta:

Bồ thí với lòng tin,
Được tán thán nhiều mặt,
Có pháp hơn bồ thí,
Pháp ấy là Đạo pháp.
Từ xưa, từ xa xưa,
Người lành, người chơn thiện,⁴⁵
Với trí tuệ sáng suốt,
Đạt đến cảnh Niết-bàn.

IV. KINH CHÚNG KHÔNG PHẢI (*Nasantisutta*) (S. I. 22)

34. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Giữa loài người chúng ta,
Có các dục vô thường,
Ai hưởng chúng ở đời,
Bị chúng trói, chúng buộc.
Phóng dật đối với chúng,
Khó thoát ly với chúng,
Người nào khó thoát ly,
Bị thân chết chinh phục.
Họa từ dục vọng sanh,
Khổ từ dục vọng khởi,
Dục vọng được nhiếp phục,
Nhờ vậy họa nhiếp phục,
Tai họa được nhiếp phục,
Nhờ vậy khổ nhiếp phục.
Vật sai biệt ở đời,
Chúng không phải các dục,
Chính tư niệm tham ái,

⁴⁵ Chú giải viết như đức Phật Ca-diếp (Kassapa Buddha), đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Koṇāgamana Buddha) và chư Phật quá khứ khác.

Là dục vọng con người.
 Vật sai biệt tồn tại,
 Như vậy ở trên đời,
 Do vậy bậc hiền trí,
 Điều phục các dục vọng.⁴⁶
 Hãy từ bỏ phần nộ,
 Hãy nhiếp phục kiêu mạn,⁴⁷
 Hãy vượt qua tất cả,
 Mọi kiết sử trói buộc.
 Chớ có quá chấp trước,
 Đối với danh sắc ấy,
 Khổ không thể đến được,
 Với ai không có gì.
 Hãy từ bỏ tính toán,
 Không chạy theo hư tướng,
 Cắt đứt mọi tham ái,
 Với danh sắc ở đời,
 Vị ấy đoạn phiền trực,
 Không lo âu, không ái.
 Chư thiên và loài người,
 Đời này hay đời sau,
 Ở cảnh giới chư thiên,
 Hay tại mọi trú xứ,
 Tìm cầu nhưng không gặp,
 Vết tích của vị ấy.
 [Họ tìm nhưng không thấy,
 Vị giải thoát như vậy.]

[Tôn giả Mogharāja:]

Chư thiên và loài người,
 Đời này hay đời sau,
 Bậc Tối thượng loài người,
 Lo hạnh phúc chúng sanh,
 Họ đánh lễ vị ấy,
 Nên tán thán họ không?

[Thế Tôn:]

Nay Mogharāja,
 Cũng nên tán thán họ,
 Họ đánh lễ vị ấy,
 Bậc giải thoát như vậy.

⁴⁶ Bài kệ này được viết trong *A. III. 411*.

⁴⁷ Xem *S. I. 25* (kinh 36 ở dưới). Xem *Dh. v. 221*.

Này Tỷ-kheo khát sĩ,
 Nếu họ biết Chánh pháp,
 Đoạn trừ được nghi hoặc,
 Họ trở thành giải thoát.

V. KINH UJJHĀNASANĪKĀ (*Ujjhānasaññisutta*) (S. I. 23)

35. Một thời, Thế Tôn ở Sāvattthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Ujjhānasaññikā (Hiềm Trách thiên),⁴⁸ sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, các vị ấy đứng giữa hư không.

Rồi một vị thiên đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Những ai nói mình khác,
 Với điều họ thực có,
 Thời mọi vật thọ dụng,
 Xem như do trộm cắp,
 Chẳng khác kẻ gian manh,
 Dùng lừa đảo trộm cắp.
 Hãy nói điều có làm,
 Không nói điều không làm,
 Không làm, nói có làm,
 Kẻ trí biết rõ họ.

[Thế Tôn:]

Những ai chỉ biết nói,
 Hay chỉ biết nghe thôi,
 Những hạng người như vậy,
 Không thể nào tiến bộ.
 Khó nhọc thay con đường,
 Giúp kẻ trí giải thoát!
 Nhờ thiên định thiêu cháy,
 Mọi trói buộc quần ma.

Kẻ trí không làm vậy,
 Sau khi biết thế tình,
 Với trí, chứng Niết-bàn,
 Vượt chấp trước ở đời.

Rồi các quần tiên ấy đứng xuống đất, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Đây là tội lỗi của chúng con, bạch Thế Tôn. Chúng con tạo tội lỗi vì ngu

⁴⁸ Theo Ngài Buddhaghosa, chư thiên này không ở một thế giới riêng. Họ được nghe Sa-môn Gotama tán thán đệ tử tu khổ hạnh hơn họ.

xuân, vì mê mờ, vì bất thiện. Chúng con nghĩ chúng con có thể công kích Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho chúng con, lỗi lầm này là lỗi lầm để gìn giữ trong tương lai.

Rồi Thế Tôn mỉm cười.

Các quần tiên ấy càng tức tối thêm và bay lên hư không.

Một vị thiên nói bài kệ này trước Thế Tôn:

Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phần, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.

[Thế Tôn:]

Nếu không có tội lỗi,
Ở đây không làm lạc,
Hận thù không thể tiêu,
Do gì xem là thiện?

[Vị thiên:]

Với ai không tội lỗi?
Với ai không làm lạc?
Ai không bị si mê?
Ai kẻ trí thường niệm?

[Thế Tôn:]

Như Lai, bậc Giác Ngộ,
Thương xót mọi hữu tình,
Nơi Ngài không tội lỗi,
Nơi Ngài không làm lạc,
Ngài không bị si mê,
Ngài chánh trí thường niệm.
Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phần, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.
Ta không thích hận thù,
Ta nhận tội các ông.

VI. KINH LÒNG TIN (*Saddhāsutta*)⁴⁹ (S. I. 25)

36. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm) tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapakāyikā, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ

⁴⁹ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1286. 0354b11); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.284. 0473a07).

Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Tín là người thứ hai,
Là bạn của loài người,
Nếu không trú bất tín,
Được danh dự, xưng tán,
Sau khi bỏ thân này,
Được sanh lên thiên giới.

Rồi các vị thiên khác nói lên những bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy từ bỏ phần nộ,
Hãy nhiếp phục kiêu mạn,
Hãy vượt qua tất cả,
Mọi kiết sử trói buộc.
Chớ có quá chấp trước,
Đối với danh sắc ấy,
Tham không thể đến được,⁵⁰
Với ai không có gì.

Kẻ ngu không trí tuệ,
Mới đam mê, phóng dật,
Kẻ trí không phóng dật,
Như giữ tài vật quý.
Chớ đam mê, phóng dật,
Chớ đắm say ái dục,
Thiền tư, không phóng dật,
Đạt được tối thắng lạc.⁵¹

VII. KINH TỤ HỘI (*Samayasutta*)⁵² (S. I. 26)

37. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tụ hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

Rồi bốn vị Tịnh Cư thiên (*Suddhāvāsa*)⁵³ suy nghĩ như sau: “Thế Tôn nay ở giữa dân chúng Sakka, thành Kapilavatthu, tại Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tụ hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và

⁵⁰ Xem S. I. 25 (kinh 36 ở trên).

⁵¹ Bài kệ này được xem là do Āṅgulimāla nói lên. Xem M. II. 105; *Thag.* v. 883.

⁵² Tham chiếu: *Đại hội kinh* 大會經 (T.01. 0001.19. 0079b02); *Tap. 雜* (T.02. 0099.1192. 0323a12); *Biệt Tap.* 別雜 (T.02. 0100.105. 0411a24).

⁵³ Thiên giới cao nhất ở sắc giới.

chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi chúng ta đọc một bài kệ dâng lên Thế Tôn.”

Rồi chư thiên ấy, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ Tịnh Cư thiên và hiện ra trước Thế Tôn.

Chư thiên ấy đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn:

Đại hội tại Đại Lâm,
Chư thiên đồng tụ tập,
Chúng con đến pháp hội,
Đảnh lễ chúng Bất Thắng.

Rồi một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Tại đây chúng Tỷ-kheo,
Thiên định, tâm chánh trực,
Như chủ xe nắm cương,
Bậc Hiền hộ các căn.

Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Như khóa gãy, chột tháo,
Trụ bị đào, tham đoạn,
Sống thanh tịnh, vô cầu,
Có mắt, voi khéo điều.

Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Những ai quy y Phật,
Sẽ không đọa ác thú,
Sau khi bỏ thân người,
Sẽ sanh làm chư thiên.

VIII. KINH MIẾNG ĐÁ VỤN (*Sakalikasutta*)⁵⁴ (S. I. 27)

38. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại vườn nai Maddakucchi.

Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị miếng đá bẻ đâm phải. Cảm thọ Thế Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không có phiền não.

Rồi Thế Tôn cho trải áo Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như đang điệu con sư tử, chân đặt trên chân, chánh niệm tỉnh giác.

Rồi bảy trăm quần tiên Satullapakāyikā, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Maddakucchi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến,

⁵⁴ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1289. 0355a19); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.287. 0473c27).

đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên đọc lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Long Tượng! Và với tư cách bậc Long Tượng, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú; Ngài chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Sư Tử! Và với tư cách bậc Sư Tử, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Lương Tuấn Mã! Và với tư cách bậc Lương Tuấn Mã, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Ngưu Vương! Và với tư cách bậc Ngưu Vương, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Nhẫn Nại Kiên Cường! Và với tư cách bậc Nhẫn Nại Kiên Cường, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Khéo Điều Phục! Và với tư cách bậc Khéo Điều Phục, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập thiền định và giải thoát, không có nổi lên, không có chìm xuống, mọi hành động được tác thành, không có ai kích thích. Ai có thể nghĩ mình đi ngược lại một bậc Long Tượng như vậy, một bậc Sư Tử như vậy, một bậc Lương Tuấn Mã như vậy, một bậc Ngưu Vương như vậy, một bậc Nhẫn Nại Kiên Cường như vậy, một bậc Khéo Điều Phục như vậy, trừ phi là một người mù.

Các vị Bà-la-môn,
Tinh thông năm Vệ-đà,⁵⁵
Dầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chon chánh được giải thoát,
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia.

⁵⁵ Thường các vị kiết tập *Nikāya* nói đến ba tập Vệ-đà.

Bị khát ái chi phối,
 Bị giới cấm trói buộc,
 Dầu tu tập khổ hạnh,
 Cho đến hàng trăm năm,
 Tâm họ không có thể,
 Chơn chánh được giải thoát,
 Tự tánh quá hạ liệt,
 Không đến bờ bên kia.

Ở đời không nhiếp phục,
 Kiêu mạn cùng các dục,
 Tâm không được an tịnh,
 Không tu tập thiền định,
 Ở trong rừng cô độc,
 Nhưng tâm tư phóng dật,
 Vị ấy khó vượt khỏi,
 Sự chinh phục tử thần.

Nhiếp phục được kiêu mạn,
 Khéo tu tập thiền định,
 Tâm tư khéo an tịnh,
 Giải thoát được viên mãn,
 Ở trong rừng cô độc,
 Tâm tư không phóng dật,
 Vị ấy khéo vượt khỏi,
 Sự chinh phục tử thần.

IX. KINH CON GÁI ĐẦU CỦA PAJJUNNA (*Paṭhamapajjunnadhītusutta*)⁵⁶ (S. I. 29)

39. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Kokanadā, con gái của Pajjunna, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nữ Kokanadā, con gái của Pajjunna, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
 Thượng thủ các chúng sanh,
 Nay an trú Đại Lâm,
 Tại thành Vesālī,

⁵⁶ Trong kinh viết tên cô là Kokanadā. Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Pajjunna's Daughter*, nghĩa là *Con gái của Pajjunna*. Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1274. 0350a26); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.272. 0469a17).

Hãy để con đánh lễ,
Con gái Pajjunna,
Tên Kokanadā.

Từ trước con chỉ nghe,
Pháp do Ngài chứng ngộ,
Nhờ Pháp nhãn [vô thượng]
Ngày nay con có thể,
Biết được Chánh pháp ấy,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc Mâu-ni Chánh Giác.

Những ai kém trí tuệ,
Khinh bác, chống Thánh pháp,
Sẽ rơi vào địa ngục,
Mệnh danh Roruva,
Trải thời gian lâu dài,
Thọ lãnh nhiều thống khổ.

Những ai đối Thánh pháp,
Kham nhẫn, tâm tịch tịnh,
Từ bỏ thân làm người,
Viên mãn thân chư thiên.

X. KINH CON GÁI THỨ CỦA PAJJUNNA **(*Dutiyapajjunnadhītusutta*)⁵⁷ (S. I. 30)**

40. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Cūlakokanadā, con gái của Pajjunna, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Cūlakokanadā, con gái của Pajjunna, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

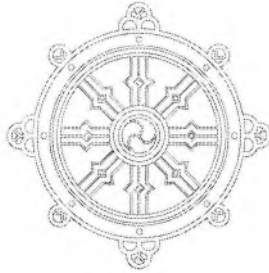
Con gái Pajjunna,
Tên Kokanadā,
Dung sắc như điện quang,
Nàng đã đến tại đây,
Đánh lễ Phật và Pháp,
Nói kệ lợi ích này.

Dầu với nhiều pháp môn,
Con phân tích pháp này,

⁵⁷ Trong kinh viết tên cô là Culakokanadā. Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1273. 0349c23); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.271. 0469a03).

Nhưng lược nghĩa con nói,
Theo ý con hiểu biết:

Ở đời chớ làm ác,
Cả ba thân, khẩu, ý,
Từ bỏ mọi thứ dục,
Chánh niệm, tâm tỉnh giác,
Không khổ hạnh ép xác,
Vô bổ, không lợi ích.



V. PHẨM THIÊU CHÁY (*ĀDITTAVAGGA*)

I. KINH THIÊU CHÁY (*Ādittasutta*)⁵⁸ (S. I. 31)

41. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Trong ngôi nhà thiêu cháy,
Vật dụng đem ra ngoài,
Vật ấy có lợi ích,
Không phải vật bị thiêu.

Cũng vậy, trong đời này,
Bị già chết thiêu cháy,⁵⁹
Hãy đem ra bằng thí,
Vật thí khéo đem ra.

Có thí, có lạc quả,
Không thí, không như vậy.
Kẻ trộm, vua cướp đoạt,
Lửa thiêu đốt hủy hoại.
Khi giờ cuối cùng đến,
Bỏ thân, bỏ sở hữu.
Kẻ trí hiểu biết vậy,
Thọ dụng và bố thí,
Thí xong, thọ dụng xong,
Theo lực hành động ấy,
Không bị ai chỉ trích,
Vị ấy được sanh thiên.

II. KINH CHO GÌ? (*Kimḍadasutta*)⁶⁰ (S. I. 32)

42. [Vị thiên:]

Cho gì là cho lực?

⁵⁸ Tham chiếu: *Biệt Tập*. 別雜 (T.02. 0100.87. 0403c12).

⁵⁹ Lửa: Chỉ cho 11 thứ lửa ở đời: Tham, sân, si, sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

⁶⁰ Tham chiếu: *Tập. 雜* (T.02. 0099.998. 0261b17); *Biệt Tập*. 別雜 (T.02. 0100.135. 0426b27).

Cho gì là cho sắc?
 Cho gì là cho lạc?
 Cho gì là cho mất?
 Cho gì cho tất cả?
 Xin đáp điều con hỏi.

[Thế Tôn:]

Cho ăn là cho lực.
 Cho mặc là cho sắc.⁶¹
 Cho xe⁶² là cho lạc.
 Cho đèn là cho mất.
 Ai cho chỗ trú xứ,
 Vị ấy cho tất cả.
 Ai giảng dạy Chánh pháp,
 Vị ấy cho bất tử.

III. KINH ĐỒ ĂN (*Annasutta*) (S. I. 32)

43. [Vị thiên:]

Trời, người, cả hai loài,
 Đều ưa thích ăn uống,
 Vị dạ-xoa tên gì,
 Lại không thích ăn uống?

[Thế Tôn:]

Ai cho với lòng tin,
 Với tâm tư thanh tịnh,
 Được phần món ăn ấy,
 Đời này và đời sau.
 Vậy hãy ngừa xan tham,⁶³
 Bỏ thí, nhiếp cầu uế,
 Hữu tình vững an trú,
 Công đức trong đời sau.

IV. KINH MỘT CĂN RỄ (*Ekamūlasutta*) (S. I. 32)

44. Một rễ, hai phương diện,
 Ba uế, năm môi trường,
 Biên lớn, mười hai họa,
 Vực xoáy,⁶⁴ bậc Thánh siêu.

⁶¹ *Chú giải:* Như người đẹp ăn mặc vụng về cũng trở thành xấu, và người xấu ăn mặc đẹp có thể trở thành đẹp.

⁶² *Chú giải:* Đây gồm những phương tiện di động hay bất động như voi,... hay dù, giày dép, cây gậy, kiệu cang,... vật và đường, bậc thang, cầu đường,... tàu bè.

⁶³ Xem S. I. 18 (kinh 32 ở trước).

⁶⁴ *Tanṇhā:* Tham ái là câu trả lời cho vấn đề sâu xa này. “Gốc rễ” của tham ái chính là vô minh. “Hai phương diện” đó là các quan điểm cho rằng linh hồn là bất diệt hay có thời điểm phải biến mất. “Ba uế” hay bộ ba lậu hoặc là tham, sân, si. “Năm môi trường” là 5 dục. “Biên lớn” là tham ái, không biết thỏa mãn. “Mười hai họa” là 6 căn và 6 trần. Xem *Pss. Breth.* 418f.

V. KINH BẠC HOÀN TOÀN (*Anomasutta*) (S. I. 33)

45. Bạc viên mãn toàn diện,
Thấy được nghĩa bí huyền,⁶⁵
Ban phát chân trí tuệ,
Thoát ly khỏi dục tạng,
Thấy được bậc Toàn Trí,
Bậc Thiện Tuệ (Trí Giác).
Vị Đại Thánh dẫn bước,
Trên con đường Thánh đạo.

VI. KINH THIÊN NỮ (*Accharāsutta*) (S. I. 33)

46. [Vị thiên:]
Thiên nữ⁶⁶ đoàn tụ hội,
Ngạ quỷ chúng tới lui,
Rừng ấy danh rừng si,
Làm sao có lối thoát?
- [Thế Tôn:]
Đường ấy tên chơn trực,
Phương ấy danh vô úy,
Cỗ xe⁶⁷ gọi vô thanh,⁶⁸
Với pháp luân khéo ráp,
Tầm là tấm ván dựa,⁶⁹
Niệm là trướng màn xe,⁷⁰
Ta nói vị đánh xe,
Tức là Chơn diệu pháp,
Và chính chánh tri kiến,
Mau chóng đi tiền phong.
Không kể nam hay nữ,
Đều dùng cỗ xe ấy,
Chính nhờ cỗ xe ấy,
Hướng tiến đến Niết-bàn.

⁶⁵ *Anomanāmaṃ*. Xem *Buddhist Birth stories*, 85; Sn. 27, 31. Theo Ngài Buddhaghosa, đây có nghĩa là không có khuyết phạm, hoàn toàn đầy đủ tánh tốt.

⁶⁶ Sự tích một vị Tỷ-kheo vì bất chước bậc Đạo sư, tinh tấn tu tập quá mức nên bị chết thành linh khi đứng dựa vào một cây cột. Vì còn lậu hoặc, vị ấy sanh vào chư thiên Tam Thập Tam đứng dựa vào cây cột. Vị này được các thiên nữ ca múa chào đón như là Thiên chủ nhưng vẫn cứ tưởng mình là Tỷ-kheo, và khi được soi vào gương thân mới biết sự thật. Hết sức thất vọng, vị này cùng các thiên nữ đi đến yết kiến Thế Tôn, và chỉ trích các thú vui thiên giới với các bài kệ. Ngôi vườn tên Nandana (Hoan Hỷ), vị này đặt lại tên là Mohaca (Vô Minh). Xem S. I. 16 (kinh 29 ở trước).

⁶⁷ Xem S. IV. 291.

⁶⁸ Vô thanh, vì trục xe được gắn khít khao với ống xe nên không kêu. Trong *Chú giải*, Ngài Buddhaghosa giải thích con đường và cỗ xe là Bát chánh đạo.

⁶⁹ Để các chiến binh khỏi rơi ra ngoài xe. *Chú giải*: Đây chỉ cho tầm. Xem S. I. 7 (kinh 18 ở trước).

⁷⁰ *Chú giải*: Như da con sư tử.

VII. KINH TRỒNG RỪNG (*Vanaropasutta*) (S. I. 33)

47. [Vị thiên:]

Những ai ngày lẫn đêm,
Công đức luôn tăng trưởng,⁷¹
Trú pháp, Cụ túc giới,
Kẻ nào sanh thiên giới?

[Thế Tôn:]

Ai trồng vườn, trồng rừng,
Ai dựng xây cầu cống,
Đào giếng, cho nước uống.
Những ai cho nhà cửa,
Những vị ấy ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng.
Trú pháp, Cụ túc giới,
Những vị ấy sanh thiên.

VIII. KINH KỲ VIÊN (*Jetavanasutta*) (S. I. 33)

48. [Vị thiên:]

Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.

[Thế Tôn:]

Nghiệp,⁷² minh và tâm pháp,⁷³
Giới và tối thắng mạng.
Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.

[Vị thiên:]

Do vậy bậc hiền trí,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như Ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.

⁷¹ Công đức được tăng trưởng không phải vì vật cho mà chính vì lòng từ và sự phát tâm trước khi, trong khi và sau khi cho.

⁷² Chỉ cho *cetanā*, tư tâm sở, rất quan trọng trong việc chi phối nghiệp.

⁷³ Chỉ cho *samādhī*, định.

IX. KINH XAN THAM (*Maccharisutta*) (S. I. 34)

49. [Vị thiên:]

Ở đời kẻ xan tham,
 Keo kiết hay khước từ,⁷⁴
 Tạo nên những chướng ngại,
 Ngăn kẻ khác bố thí,
 Đời này và đời sau,
 Quả báo họ là gì?
 Chúng con đến tại đây,
 Chính muốn hỏi Thế Tôn,
 Chúng con muốn được biết,
 Thế Tôn đáp thế nào?

[Thế Tôn:]

Ở đời kẻ xan tham,
 Keo kiết hay khước từ,
 Tạo nên những chướng ngại,
 Ngăn kẻ khác bố thí,
 Bị tái sanh địa ngục,
 Bàng sanh, Dạ-ma giới.
 Nếu được sanh làm người,
 Sanh gia đình nghèo khó,
 Y, thực, dục, hỷ lạc,
 Họ được rất khó khăn.
 Điều kẻ ngu ước vọng,
 Họ không thấu hoạch được,
 Quả hiện tại là vậy,
 Đời sau sanh ác thú.

[Vị thiên:]

Nhờ những điều Ngài nói,
 Chúng con được hiểu vậy.
 Tôn giả Gotama,
 Con xin hỏi câu khác.
 Ở đây được thân người,
 Từ tôn không xan tham,
 Tin Phật và Chánh pháp,
 Cùng tôn trọng chúng Tăng,
 Đời này và đời sau,
 Quả báo họ là gì?

⁷⁴ Khước từ với lời nói: “Bạn đã cày, gieo hoặc gặt hái được gì? Chúng tôi không nhận được bất cứ thứ gì từ việc cho bạn. Nghỉ làm đi!”

Chúng con đến tại đây,
Chính muốn hỏi Thế Tôn,
Chúng con muốn được biết,
Thế Tôn đáp thế nào?

[Thế Tôn:]

Ở đây được thân người,
Từ tôn không xan tham,
Tin Phật và Chánh pháp,
Cùng tôn trọng chúng Tăng,
Họ chói sáng chư thiên,
Tại đây họ tái sanh.

Nếu họ sanh làm người,
Họ sanh nhà phú gia,
Y, thực, dục, hỷ lạc,
Họ được không khó khăn.
Như các Tự Tại thiên,
Hân hoan được thọ hưởng,
Giữa vật dụng tài sản,
Được người khác quy tụ,
Quả hiện tại là vậy,
Đời sau sanh thiên giới.

X. KINH THỌ ĐỒ GỒM (*Ghaṭṭikārasutta*)⁷⁵ (S. I. 35)

50. [Ghaṭṭikāra:]

Được sanh Vô Phiền thiên,⁷⁶
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời triền phược.

[Thế Tôn:]

Vượt bùn, họ là ai,
Khó vượt lệnh thần chết,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên?

[Ghaṭṭikāra:]

Họ là Upaka,
Và Palagaṇḍa,
Với Pukkusāti,
Hợp thành là ba vị.

⁷⁵ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.595. 0159b04); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.189. 0442b25).

⁷⁶ *Avihā*: Cõi thứ 12 trong 16 cõi thuộc Phạm thiên giới.

Lại thêm Bhaddiya,
 Với Khaṇḍadeva,
 Và Bāhuraggi,
 Cùng với Siṅgiya,
 Sau khi bỏ thân người,
 Họ thoát ách chư thiên.

[Thế Tôn:]

Người nói điều tốt lành,
 Về bảy Tỷ-kheo ấy.
 Họ thoát ly, đoạn trừ,
 Các chạp bảy Ma vương,
 Pháp họ biết của ai,
 Đoạn diệt hữu kiết sử?

[Ghaṭikāra:]

Không ai ngoài Thế Tôn,
 Chính thật giáo lý Ngài,
 Họ biết pháp của Ngài,
 Đoạn được hữu kiết sử.
 Chỗ nào danh và sắc,⁷⁷
 Được đoạn diệt, không dư,
 Họ học được pháp ấy,
 Ở đây, từ nơi Ngài,
 Nhờ vậy họ đoạn trừ,
 Hữu kiết sử trối buộc.

[Thế Tôn:]

Lời nói người thâm sâu,
 Khó biết, khó chứng ngộ,
 Pháp ông biết của ai,
 Sao ông không nói được?

[Ghaṭikāra:]

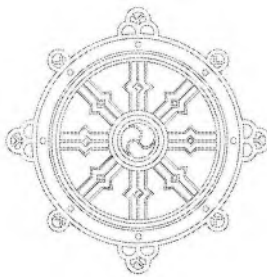
Thuở xưa, con thợ gốm,
 Tại Vehaṇḍiga,
 Và con được tên gọi,
 Là Ghaṭikāra.
 Chính con lo nuôi dưỡng,
 Cả mẹ lẫn cả cha.
 Đối với Phật Ca-diếp,
 Con đệ tử tại gia.
 Con viễn ly dâm dục,

⁷⁷ Xem S. I. 13 (kinh 23 ở trước).

Phạm hạnh, không thể vật.
 Thuở xưa, con đồng hương,
 Cũng là bạn của họ,
 Do vậy con biết họ,
 Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
 Đoạn tận tham và sân,
 Vượt qua đời triền phược.

[Thế Tôn:]

Vậy này Bhaggava,⁷⁸
 Chính như ông vừa nói,
 Thuở xưa, ông thợ gốm,
 Tại Vehaḷiṅga,
 Và ông được tên gọi,
 Là Ghaṭṭikāra.
 Chính ông lo nuôi dưỡng,
 Cả mẹ lẫn cả cha.
 Đối với Phật Ca-diếp,
 Ông đệ tử tại gia.
 Ông viễn ly dâm dục,
 Phạm hạnh, không thể vật.
 Thuở xưa, ông đồng hương,
 Cũng là bạn của Ta.
 Như vậy là hội ngộ,
 Giữa những bạn thời xưa,
 Cả hai khéo tu tập,
 Mang thân này tới hậu.



⁷⁸ Tên của người thợ gốm ở Vương Xá. Xem M. III. 327.

VI. PHẨM GIÀ (*JARĀVAGGA*)

I. KINH GIÀ (*Jarāsutta*) (S. I. 36)

51. – Vật gì tốt đến già?
 Vật gì tốt kiên trú?
 Vật gì vật báu người?
 Vật gì cướp khó đoạt?
- Giới là tốt đến già.
 Tín là tốt kiên trú.
 Tuệ, vật báu loài người.
 Công đức,⁷⁹ cướp khó đoạt.

II. KINH KHÔNG GIÀ (*Ajarasāsutta*) (S. I. 36)

52. – Vật gì tốt không già?
 Vật gì tốt trường cửu?
 Vật gì vật báu người?
 Vật gì cướp không đoạt?
- Giới là tốt không già.
 Tín là tốt trường cửu.
 Tuệ, vật báu loài người.
 Công đức, cướp không đoạt.

III. KINH BẠN (*Mittasutta*) (S. I. 36)

53. – Ai bạn kẻ đi đường?
 Ai bạn người ở nhà?
 Ai bạn khi cần thiết?
 Ai bạn cho đời sau?
- Bạn đường, bạn đi đường.
 Bạn ở nhà là mẹ.
 Bạn bè khi cần thiết,
 Mới là bạn thường xuyên.
 Công đức tự mình làm,
 Là bạn cho đời sau.

⁷⁹ Xem *Kh*, VIII. 9. Trong *Sā*. I. 93 viết rằng công đức là tư tâm sở (*puññacetanā*) thiện hành, nó thuộc phi vật chất nên trộm cướp không đoạt được.

IV. KINH CƠ SỞ (*Vatthusutta*) (S. I. 37)

54. – Vật gì, cơ sở⁸⁰ người?
 Vật gì, bạn tối thượng (ở đời)?
 Hữu tình gì trì mạng,
 Y cứ vào địa đại?
- Con là cơ sở người.
 Vợ là bạn tối thượng.⁸¹
 Thần mưa⁸² là trì mạng,
 Y cứ vào địa đại.

V. KINH SANH NHÂN THỨ NHẤT (*Paṭhamajanasutta*) (S. I. 37)

55. – Cái gì sanh thành người?
 Cái gì luôn rong ruổi?
 Cái gì chịu luân hồi?
 Cái gì người sợ hãi?
- Ái dục sanh thành người.
 Chính tâm luôn rong ruổi.
 Chúng sanh chịu luân hồi.
 Đau khổ, người sợ hãi.

VI. KINH SANH NHÂN THỨ HAI (*Dutiyajanasutta*) (S. I. 37)

56. – Cái gì sanh thành người?
 Cái gì luôn rong ruổi?
 Cái gì chịu luân hồi?
 Vì đâu, không giải thoát?
- Ái dục sanh thành người.
 Chính tâm luôn rong ruổi.
 Chúng sanh chịu luân hồi.
 Vì khổ, không giải thoát.

VII. KINH SANH NHÂN THỨ BA (*Tatiyajanasutta*) (S. I. 38)

57. – Cái gì sanh thành người?
 Cái gì luôn rong ruổi?
 Cái gì chịu luân hồi?
 Cái gì người nương tựa?
- Ái dục sanh thành người.
 Chính tâm luôn rong ruổi.

⁸⁰ *Vatthu*, trong trường hợp này có nghĩa là nền tảng, cũng có nghĩa là chống đỡ, hỗ trợ.

⁸¹ *Chú giải*: Có thể nói những bí mật không thể cho người khác biết.

⁸² *Vuṭṭhim bhūta*: Các vị thần mưa.

Chúng sanh chịu luân hồi.
Chính nghiệp, người nường tựa.

VIII. KINH PHI ĐẠO (*Uppathasutta*) (S. I. 38)

58. – Cái gì gọi phi đạo?
Cái gì diệt ngày đêm?
Cái gì uế Phạm hạnh?
Cái gì tắm không nước?
- Tham dục gọi phi đạo.
Tuổi tác⁸³ diệt ngày đêm.
Nữ nhân uế Phạm hạnh,
Khiến loài người hệ lụy.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là tắm không cần nước.

IX. KINH NGƯỜI BẠN (*Dutiyasutta*) (S. I. 38)

59. – Cái gì làm người bạn?⁸⁴
Cái gì giáo hóa người?
Cái gì người ái lạc,
Giải thoát mọi khổ đau?
- Tín thành làm bạn người.
Trí tuệ giáo hóa người.
Người ái lạc Niết-bàn,
Giải thoát mọi khổ đau.

X. KINH NGƯỜI THI SĨ (*Kavisutta*) (S. I. 39)

60. – Vật gì nhân kệ tụng?
Vật gì làm tự cú?⁸⁵
Vật gì kệ y cú?
Vật gì kệ an trú?
- Âm vận nhân kệ tụng.
Văn tự làm tự cú.
Kệ y cú đề danh.
Kệ an trú thi nhân.

⁸³ *Vayo* có nghĩa là “tuổi tác” trong thuật ngữ thời gian. Trong thành ngữ chúng ta sử dụng trong kinh này là “cuộc đời”.

⁸⁴ Xem S. I. 22 (kinh 34 ở trước); S. I. 36 (kinh 51 và 52 ở trước).

⁸⁵ *Chú giải* lý giải từ ngữ làm thành câu (*pāda*) và câu làm thành kệ (*gāthā*).

VII. PHẨM THẮNG (*ADDHAVAGGA*)⁸⁶

I. KINH DANH (*Nāmasutta*) (S. I. 39)

61. – Vật gì thắng tất cả?
Vật gì không số hơn?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?
- Danh vượt thắng tất cả.
Danh không số nào hơn.
Chính danh là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.

II. KINH TÂM (*Cittasutta*) (S. I. 39)

62. – Vật gì dắt dẫn đời?
Vật gì tự nhiễu hại?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?
- Chính tâm dắt dẫn đời.
Chính tâm tự nhiễu hại.
Chính tâm là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.

III. KINH KHÁT ÁI (*Taṇhāsutta*) (S. I. 39)

63. – Vật gì dắt dẫn đời?
Vật gì tự nhiễu hại?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?
- Chính ái dắt dẫn đời.
Chính ái tự nhiễu hại.
Chính ái là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.

⁸⁶ Chú giải viết *anvavagga* (không phải *addhavagga*) và giải thích *danh* (*nāma*) là vượt lên (*abhibhavati*) và là gọi tên (*anupatati*) cho tất cả mọi thứ. Không có chúng sanh nào hay vật nào không có tên gọi, cho đến một cái cây hay một loại khoáng sản, nếu không có tên, thời cũng gọi là vô danh (*anāma*).

IV. KINH KIẾT SỬ (*Samyojanasutta*) (S. I. 39)

64. – Vật gì trói buộc đời?
 Vật gì dẫn hành⁸⁷ đời?
 Do đoạn trừ pháp gì,
 Mới được gọi Niết-bàn?
- Chính hỷ⁸⁸ trói buộc đời.
 Tầm cầu dẫn hành đời.
 Do đoạn trừ khát ái,
 Mới được gọi Niết-bàn.

V. KINH TRIỀN PHƯỢC (*Bandhanasutta*) (S. I. 39)

65. – Vật gì triền phược đời?
 Vật gì dẫn hành đời?
 Do đoạn trừ pháp gì,
 Mọi triền phược đoạn diệt?
- Chính hỷ triền phược đời.
 Tầm cầu dẫn hành đời.
 Do đoạn trừ khát ái,
 Mọi triền phược đoạn diệt.

VI. KINH BỊ ÁP ĐẢO (*Attahatasutta*) (S. I. 40)

66. – Vật gì áp đảo đời?
 Vật gì bao phủ đời?
 Tên gì bắn trúng đời?
 Bởi gì thường đốt nóng?
- Sự chết áp đảo đời.
 Già nua bao phủ đời.
 Tên ái bắn trúng đời.
 Bởi dục, thường đốt nóng.

VII. KINH BỊ TREO CỘT (*Udditasutta*) (S. I. 40)

67. – Vật gì treo cột đời?
 Vật gì bao phủ đời?
 Vật gì đóng kín đời?
 Trên gì, đời an trú?
- Khát ái treo cột đời.
 Già nua bao phủ đời.
 Sự chết đóng kín đời.
 Trên khổ, đời an trú.

⁸⁷ Theo *Chú giải*, *vicāraṇam* nghĩa là chân đi của thể gian, chỉ cho cả số nhiều.

⁸⁸ *Nandi*. Xem S. I. 1, 2 (kinh 1, 2 ở trước).

VIII. KINH BỊ ĐÓNG KÍN (*Pihitasutta*) (S. I. 40)

68. – Vật gì đóng kín đời?
Trên gì, đời an trú?
Vật gì treo cột đời?
Vật gì bao phủ đời?
- Sự chết đóng kín đời.
Trên khổ, đời an trú.
Khát ái treo cột đời.
Già nua bao phủ đời.

IX. KINH ƯỚC MUỐN (*Ichhāsutta*) (S. I. 40)

69. – Vật gì trói buộc đời?
Điều phục gì được thoát?
Vật gì được đoạn trừ,
Khiến mọi phược đoạn tận?
- Ước muốn trói buộc đời.
Điều phục dục được thoát.
Ước muốn được đoạn trừ,
Mọi triền phược đoạn tận.

X. KINH THẾ GIAN (*Lokasutta*) (S. I. 41)

70. – Trên gì, thế gian sanh?
Trên gì, được giao tiếp?
Thế gian chấp trước gì?
Trên gì, đời khổ não?
- Trên sáu, thế gian sanh.⁸⁹
Trên sáu, được giao tiếp.
Thế gian chấp trước sáu.
Trên sáu, đời khổ não.

⁸⁹ Chỉ cho 6 căn, kể cả ý căn.

VIII. PHẨM ĐOẠN (*CHETVĀVAGGA*)

I. KINH ĐOẠN DỨT (*Chetvāsutta*) (S. I. 41)

71. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Đoạn vật gì được lạc?
Đoạn vật gì không sầu?
Có một pháp loại gì,
Ngài tán đồng đoạn dứt.
Tôn giả Gotama?

[Thế Tôn:]

Đoạn phần nộ được lạc.
Đoạn phần nộ không sầu.
Phần nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng,⁹⁰
Pháp ấy, bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ấy không sầu,
Này Hiền giả thiên nhân.

II. KINH CỖ XE (*Rathasutta*) (S. I. 41)

72. [Vị thiên:]

Cỗ xe hiện tướng gì?
Ngọn lửa hiện tướng gì?
Vương quốc hiện tướng gì?
Phụ nữ hiện tướng gì?

[Thế Tôn:]

Cờ hiện tướng cỗ xe.
Khói hiện tướng ngọn lửa.
Vua hiện tướng vương quốc.
Chồng hiện tướng nữ nhân.

III. KINH TÀI SẢN (*Vittasutta*) (S. I. 42)

73. [Vị thiên:]

⁹⁰ Trong *Chú giải*, Ngài Buddhaghosa dùng minh họa “vị ngọt tuyệt vời của mật ong.” Ngài giải thích cảm giác thích thú, thỏa mãn khởi lên khi đánh trả lại người đã làm hại mình. Bài kệ này được lặp lại ba lần trong S. I. 46 (kinh 84 ở sau); S. I. 160 (kinh 187 ở sau); S. I. 237 (kinh 267 ở sau).

– Tài sản gì ở đời,
 Đối người là tối thượng?
 Sự gì khéo tu trì,
 Đưa đến chơn an lạc?
 Vật gì ngọt tối thượng,
 Trong tất cả vị ngọt?
 Sống cuộc sống thế nào,
 Được gọi sống tối thượng?

[Thế Tôn:]

Lòng tin ở đời này,
 Là tài sản tối thượng.
 Chánh pháp khéo tu trì,
 Đưa đến chơn an lạc.
 Sự thật ngọt tối thượng,
 Trong tất cả vị ngọt.
 Sống cuộc sống trí tuệ,
 Được gọi sống tối thượng.

IV. KINH MƯA (*Vuṭṭhisutta*) (S. I. 42)

74. [Vị thiên:]

Vật gì được mọc lên,
 Là mọc lên tối thượng?
 Vật gì được rơi xuống,
 Là rơi xuống tối thượng?
 Vật gì thường bộ hành?
 Vật gì thuyết tối thượng?

[Vị thiên khác:]

Hạt giống được mọc lên,
 Là mọc lên tối thượng.
 Con mưa được rơi xuống,
 Là rơi xuống tối thượng.
 Con bò thường bộ hành.
 Con trai thuyết tối thượng.⁹¹

[Thế Tôn:]

Tuệ minh được mọc lên,
 Là mọc lên tối thượng.
 Vô minh được rơi xuống,
 Là rơi xuống tối thượng.
 Tăng-già thường bộ hành.
 Đức Phật thuyết tối thượng.

⁹¹ Người con “thuyết tối thượng” tức là người con không nói lời hại đến cha mẹ.

V. KINH KHỦNG BỐ (*Bhūṭāsutta*) (S. I. 42)

75. [Vị thiên:]

Vì sao ở đời này,
 Rất nhiều người sợ hãi,
 Dầu con đường đề cập,
 Dưới hình thức sai biệt?
 Con hỏi Gotama,
 Bạc Trí Tuệ Sáng Suốt,
 Phải an trú chỗ nào,
 Khỏi sợ hãi đời sau?

[Thế Tôn:]

Hãy chánh trú lời, ý,
 Thân nghiệp chớ làm ác.
 Nếu an trú trong nhà,
 Với tài sản dồi dào,
 Hãy tín tâm, nhu hòa,
 Chia tài sản, rộng rãi.
 An trú bốn pháp này,
 Không sợ hãi đời sau.

VI. KINH KHÔNG GIÀ (*Najīratissutta*) (S. I. 43)

76. [Vị thiên:]

– Ai già, ai không già?
 Thế nào gọi phi đạo?
 Vật gì chương ngại pháp?
 Vật gì đem ngày diệt?
 Vật gì ướ Phạm hạnh?
 Vật gì tắm không nước?
 Đời bao nhiêu lỗ trống,
 Trên ấy, tâm không trú?
 Con đến hỏi Thế Tôn,
 Mong biết câu trả lời.

[Thế Tôn:]

– Sắc hữu tình bị già,
 Danh tánh lại không già.
 Tham dục gọi phi đạo.
 Tham ái chương ngại pháp.
 Tuổi tác đem ngày diệt.
 Nữ nhân ướ Phạm hạnh,
 Đắm trước trong ướ này,
 Là toàn thể chúng sanh.

Khỏ hạnh và Phạm hạnh,
Là tấm không cần nước.
Sáu lỗ trống ở đời,
Trên ấy, tâm không trú.
Biếng nhác và phóng dật,
Uể oải, không tự chế,
Thụy miên và hôn trầm,
Cả sáu lỗ trống này,
Cần ly khai tất cả.

VII. KINH TÔN CHỦ (*Issariyasutta*) (S. I. 43)

77. [Vị thiên:]

– Vật gì chủ ở đời?
Hàng hóa gì tối thượng?
Vật gì làm rỉ sét,
Lưỡi kiếm ở trên đời?⁹²
Vật gì ở đời này,
Tác thành cỗi địa ngục?
Ai đem đi, bị chặn?
Ai đem đi, được ưa?
Ai thường xuyên đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ?

[Thế Tôn:]

– Thế lực chủ ở đời.
Nữ nhân,⁹³ vật tối thượng.
Phần nô làm rỉ sét,
Lưỡi kiếm ở trên đời.
Kẻ trộm ở đời này,
Tác thành cỗi địa ngục.⁹⁴
Trộm đem đi, bị chặn,
Sa-môn đem, được ưa.⁹⁵
Sa-môn thường đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ.

VIII. KINH DỤC (*Kāmasutta*) (S. I. 44)

78. [Vị thiên:]

⁹² Xem *Thag.* v. 1095. Ngài Buddhaghosa nói đến lưỡi kiếm của sự quán chiếu.

⁹³ *Chú giải:* Vì người nữ giữ một vai trò quan trọng; hoặc nói cách khác, từ người nữ, các vị Bồ-tát, quốc vương mới hiện hữu.

⁹⁴ *Abbuda.* Xem S. I. 167 (kinh 195 ở sau); S. I. 170 (kinh 196 ở sau).

⁹⁵ *Chú giải:* Nói đến thế nhận vật thực. Trao thế nhận vật thực chứng minh cho công đức cúng dường của tín chủ.

– Nghĩ lợi, không cho ai?
 Con người từ bỏ gì?
 Thiện gì nên thốt ra?
 Ác gì nên ngăn chặn?

[Thế Tôn:]

Con người không cho mình.⁹⁶
 Không nên từ bỏ mình.⁹⁷
 Lời thiện, nên thốt ra.
 Lời ác, nên ngăn chặn.

IX. KINH LƯƠNG THỰC (*Pātheyyasutta*) (S. I. 44)

79. [Vị thiên:]

– Cái gì cột lương thực?
 Cái gì hút tài sản?
 Cái gì lôi cuốn người?
 Ở đời, khó bỏ gì?
 Cái gì buộc phạm nhân,
 Như chim bị bẫy sập?

[Thế Tôn:]

Lòng tin cột lương thực.
 Thân tài hút tài sản.
 Lòng muốn lôi cuốn người.
 Ở đời, muốn (*icchā*) khó bỏ.
 Ham muốn buộc phạm nhân,
 Như chim bị bẫy sập.

X. KINH ÁNH SÁNG (*Pajjotasutta*) (S. I. 44)

80. [Vị thiên:]

– Vật gì chiếu sáng đời?
 Vật gì thức tỉnh đời?
 Ai cộng nghiệp với người?
 Cử chỉ chúng là gì?

Ai nuôi kẻ nhác, siêng,
 Như mẹ nuôi con cái?
 Hữu tình gì trì mạng,
 Y cứ vào địa đại?⁹⁸

⁹⁶ *Chủ giải:* Chỉ cho người nô lệ.

⁹⁷ *Chủ giải:* Tức đối với sư tử, cọp... Hai trường hợp này không áp dụng cho vị Bồ-tát. Các tập *Jātaka* đề cập vị Bồ-tát liên quan với cả hai trường hợp.

⁹⁸ Xem S. I. 37 (kinh 54 ở trước).

[Thế Tôn:]

Trí tuệ chiếu sáng đời.
Chánh niệm thức tỉnh đời.
Bỏ cộng nghiệp với người,
Đường cây là con đường.
Mưa nuôi kẻ nhác, siêng,
Như mẹ nuôi con cái.
Mưa trì mạng chúng sanh,
Y cứ vào địa đại.

XI. KINH KHÔNG TRANH LUẬN (*Araṇasutta*) (S. I. 44)

81. [Vị thiên:]

Ai không tranh luận đời?
Ai sống không hoại diệt?
Ai rõ ham muốn đời?
Ai thường xuyên tự tại?
Ai an trú như vậy,
Cha, mẹ, anh kính lễ?
Ai đâu có hạ sanh,
Được Sát-ly tôn kính?

[Thế Tôn:]

Sa-môn không tranh đời.
Sa-môn sống không diệt.
Sa-môn rõ dục vọng.
Sa-môn thường tự tại.
Sa-môn trú như vậy,
Cha, mẹ, anh kính lễ.
Sa-môn đâu hạ sanh,
Được Sát-ly tôn kính.

